HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11 /NQ-HĐND	*Lục Ngạn, ngày 28 tháng 4 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025; điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN
KHOÁ XX - KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Thông báo số 1539-TB/TU ngày 14/3/2023, thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy về việc chuyển nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2022 sang năm 2023 (đợt 1) và phương án sử dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc giao kế hoạch đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND huyện khóa XX về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công hằng năm;

Xét đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số 423/TTr-UBND ngày 27/4/2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025; điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023, cụ thể như sau:

1. Bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 cho các dự án khắc phục các tiêu chí còn thiếu và chưa đạt chuẩn đô thị loại IV khu vực dự kiến thành lập thị xã Chũ, tỉnh Bắc Giang với tổng mức đầu tư 492.900 triệu đồng.

2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (nguồn thu tiền sử dụng đất):

- Tổng kế hoạch vốn đã giao: 208.624 triệu đồng:

+ Điều chỉnh tăng: 4.290 triệu đồng;

+ Điều chỉnh giảm: 33.959 triệu đồng;

- Kế hoạch vốn sau điều chỉnh: 178.955 triệu đồng.

Trong đó:

+ Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn 01 công trình chuyển tiếp: Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư số 1 xã Quý Sơn, tỷ lệ 1/500, với tổng mức đầu tư 780 triệu đồng; vốn bố trí năm 2023: 200 triệu đồng;

+ Bổ sung 02 danh mục nhiệm vụ thực hiện mới: (1) Lập Chương trình phát triển đô thị Chũ, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045; (2) Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Chũ, tỉnh Bắc Giang với tổng mức đầu tư 4.380 triệu đồng; vốn bố trí năm 2023: 400 triệu đồng.

+ Bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư công trình: Cải tạo, nâng cấp nhà máy cung cấp nước sạch đô thị Chũ; xây dựng trục chính hệ thống cấp nước sạch đến trung tâm các xã Trù Hựu, Thanh Hải, Nam Dương và một phần các xã Quý Sơn, Kiên Lao, Kiên Thành, Mỹ An: 300 triệu đồng.

3. Điều chỉnh kế hoạch bố trí vốn thực hiện 11 dự án đầu tư công năm 2023 sang năm sau:

- Tổng mức đầu tư theo kế hoạch đã phê duyệt: 823.886 triệu đồng;

- Tổng vốn bố trí theo kế hoạch năm 2023 (sau điều chỉnh): 8.000 triệu đồng (vốn đầu tư: 7.500 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 500 triệu đồng).

(có các Biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban Nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết được Hội đồng Nhân dân huyện khóa XX, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2023./.

Nơi nhận:
- TT HĐND, Lãnh đạo UBND tỉnh;
- VP ĐĐBQH&HĐND, VP UBND tỉnh;
- TT HU, TT HĐND, UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XX;
- Các cơ quan, ban, ngành của huyện;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện;
- ĐU, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVTH;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Việt Oanh

BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

(kèm theo Nghị quyết số 14a /NQ-HĐND ngày 28/4/2023 của HĐND huyện Lục Ngạn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã phân bổ			Giá trị QT/ KLHT hết 2022	Kế hoạch vốn đã giao theo QĐ 1504/QĐ-UBND	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm		
					Tiền đất	Khác						
	Tổng cộng		**2.641.618**	**312.191**	**156.417**	**155.774**	**532.619**	**208.624**	**4.290**	**33.959**	**178.955**	
I	**Trả nợ CT hoàn thành, quyết toán**		**611.132**	**212.830**	**101.989**	**110.841**	**418.487**	**28.549**	**0**	**0**	**28.549**	
1	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú nối với đường vành đai thị trấn Chũ	Ban QLDA ĐTXD	162.000	52.032	7.519	44.513	116.740				0	Còn nợ 7,361 tỷ
2	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở UBND huyện	Ban QLDA ĐTXD	8.557	7.500	7.500	0	8.357	943			943	
3	Xây dựng trường mầm non Mỹ An, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD	14.991	6.755	6.755	0	15.925	895			895	
4	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư liên cơ quan	Ban QLDA ĐTXD	70.233	57.065	57.065	0	68.133	633			633	
5	Hạ tầng kỹ thuật và KDC xã Đèo Gia	Ban QLDA ĐTXD	5.454	2.028	500	1.528	4.690	600			600	Còn nợ 400 tr
6	Đường bê tông từ thôn Đấp đi thôn Đồng Mậm, xã Sơn Hải	Ban QLDA ĐTXD	9.489	9.000	2.500	6.500	9.218	218			218	
7	Cải tạo nâng cấp đường đến trung tâm xã Hộ Đáp, huyện Lục Ngạn (Đoạn từ Km 30+300 đến Km 26+800)	Phòng Kinh tế & HT	14.990	9.500		9.500	13.888	3.088			3.088	Còn nợ 1.300tr
8	Cầu Thác Lười và đường dẫn xã Tân Sơn	Ban QLDA ĐTXD	29.418	18.300		18.300	24.900	4.600			4.600	Còn nợ 2 tỷ
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối từ ĐT 289 đoạn Dốc Biềng đi xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD	34.909	30.500		30.500	34.650				0	
10	Xây dựng, lắp đặt lò đốt rác thải sinh hoạt ở xã Kim Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD	5.870	1.000	1.000		5.343	1.800			1.800	

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã phân bổ			Giá trị QT/ KLHT hết 2022	Kế hoạch vốn đã giao theo QĐ 1504/QĐ-UBND	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm		
					Tiền đất	Khác						
11	Xây dựng, lắp đặt lò đốt rác thải sinh hoạt ở xã Phú Nhuận huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	UBND xã Phú Nhuận	4.097	1.000	1.000		3.897				0	
12	Xây dựng, lắp đặt lò đốt rác thải sinh hoạt ở xã Mỹ An huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD	6.496	1.000	1.000		6.103	2.100			2.100	
13	Xử lý sạt lở bờ sông Lục Nam ở các xã Nghĩa Hồ, Quý Sơn, Mỹ An, Phượng Sơn và thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD	48.810	500	500		46.828	5.000			5.000	Còn nợ 2,328 tỷ
14	Lập quy hoạch chi tiết khu dân cư và dịch vụ thương mại Đầm Tiên, Phượng Sơn	Phòng Kinh tế & HT	420	350	350		420				0	
15	Quy hoạch chung thị trấn Biển Động, huyện Lục Ngạn	Phòng Kinh tế & HT	2.963	900	900		2.963				0	Đã bố trí NS tỉnh (gói 15 tỷ)
16	Khảo sát, lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư Hải Yên - Lê Hồng Phong, tỷ lệ 1/500 (Lập quy hoạch chi tiết khu dân cư Hải Yên, xã Trù Hựu)	Phòng Kinh tế & HT	848	700	700		848				0	Còn nợ 148tr
17	Đo đạc bản đồ địa chính, lập hồ sơ cấp GCN QSD đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với 16 đơn vị cấp xã tại huyện Lục Ngạn	Phòng Tài nguyên&MT	143.936	9.500	9.500		29.054	1.500			1.500	Còn nợ 18,054 tỷ
18	Quy hoạch chi tiết khu dân cư trung tâm thôn Kim 1, xã Phượng Sơn	Phòng Kinh tế & HT	500	200	200		500	150			150	Còn nợ 150tr
19	Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu kỳ 2021 huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Phòng Tài nguyên&MT	3.875	500	500		3.661	700			700	Còn nợ 2.675tr
20	Hạ tầng kỹ thuật và KDC xã Kiên Thành	Ban QLDA ĐTXD	22.201	4.000	4.000		15.850	2.000			2.000	Còn nợ 1.227tr
21	Hạ tầng Kỹ thuật và KDC xã Nam Dương	Ban QLDA ĐTXD	7.188	500	500		6.519	2.619			2.619	

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã phân bổ			Giá trị QT/ KLHT hết 2022	Kế hoạch vốn đã giao theo QĐ 1504/QĐ-UBND	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm		
					Tiền đất	Khác						
22	Trường MN Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; hạng mục: Xây nhà đa chức năng, nhà bếp và công trình phụ trợ	UBND xã Nam Dương	6.487					1.703			1.703	
23	Xây dựng nhà đa chức năng, nhà bếp và các công trình phụ trợ trường MN Mỹ An	UBND xã Mỹ An	7.400								0	
II	**Công trình chuyển tiếp**		**617.946**	**96.266**	**54.428**	**41.838**	**107.882**	**49.532**	**700**	**16.042**	**34.190**	
1	**Lĩnh vực quy hoạch**		**11.166**	**2.680**	**2.680**	**0**	**8.734**	**2.950**	**200**	**500**	**2.650**	
1.1	Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2022	Phòng Tài nguyên&MT	2.138	1.100	1.100		2.039	900			900	Trả khối lượng
1,2	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Phòng Tài nguyên&MT	5.148	300	300		4.295	1.000		500	500	còn nợ 3,495 tỷ
1,3	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng Hạ tầng kỹ thuật và KDC số 1 xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn	Phòng Kinh tế & HT	750	100	100		750	250			250	*Còn nợ 400tr*
1,4	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng Hạ tầng kỹ thuật và KDC trung tâm xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn	Phòng Kinh tế & HT	550	100	100		150	200			200	*Còn nợ 250tr*
1,5	Quy hoạch chi tiết 1/500 KDC trung tâm xã Tân Quang	Phòng Kinh tế & HT	500	100	100		500	200			200	Còn nợ 200tr
1,6	Quy hoạch chi tiết hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư trung tâm xã Kiên Lao	Phòng Kinh tế & HT	800	100	100		500	200			200	
1.7	Quy hoạch chi tiết xây dựng Hạ tầng kỹ thuật và Khu dân cư Phì Điền - Giáp Sơn	Phòng Kinh tế & HT	500	100	100		500	200			200	Còn nợ 200tr
1.8	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư số 1 xã Quý Sơn, tỷ lệ 1/500	Phòng Kinh tế & HT	780	780	780				200		200	Bổ sung danh mục

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã phân bổ			Giá trị QT/ KLHT hết 2022	Kế hoạch vốn đã giao theo QĐ 1504/QĐ-UBND	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm		
					Tiền đất	Khác						
2	**Lĩnh vực giao thông**		**95.400**	**7.000**	**1.500**	**5.500**	**1.900**	**9.242**	**0**	**8.842**	**400**	
2.1	Đối ứng dự án: Cải tạo, nâng cấp đường xã Sơn Hải đi xã Hộ Đáp (đoạn từ km6+761,16 đến km13+890; đoạn 2 từ km 18+236 đến km26+981,6) huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD	93.000	5.500		5.500		8.500		8.500	0	
2.2	Cải tạo đường vào nhà máy xử lý rác thải tập trung Cai Lé xã Kiên Thành	Ban QLDA ĐTXD	800	300	300		300	342		342	0	
2.3	Xây cống bản thôn Du, xã Đồng Cốc	Ban QLDA ĐTXD	900	700	700		900	200			200	
2.4	Xây dựng cống bản thôn Khuyên Quéo, xã Biển Động	Ban QLDA ĐTXD	700	500	500		700	200			200	
3	**Lĩnh vực hạ tầng - xã hội**		**251.611**	**26.194**	**26.194**	**0**	**20.750**	**12.500**	**500**	**4.000**	**9.000**	
3.1	Cải tạo, nâng cấp hạ thầng kỹ thuật đô thị Chũ; hạng mục: Lát vỉa hè, hệ thống đèn chiếu sáng đường phố, cây xanh (Đường Dã Tượng và Lê Duẩn).	Ban QLDA ĐTXD	8.500	100	100		100	4.000		4.000	0	Đưa sang 233
3.2	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Kim Sơn	Ban QLDA ĐTXD	5.000	50	50		50	2.000			2.000	
3.3	Nhà làm việc khối Đoàn thể UBND xã Kiên Thành	Ban QLDA ĐTXD	5.600	500	500		500				0	
3,4	Hạ tầng kỹ thuật và KDC mới trung tâm xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD	59.969	15.444	15.444						0	Thực hiện vay vốn
3,5	Hạ tầng kỹ thuật và KDC phố Kim, xã Phượng Sơn	Ban QLDA ĐTXD	19.231	6.200	6.200			2.500	500		3.000	
3,6	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư xã Phú Nhuận	Ban QLDA ĐTXD	41.318	200	200						0	Dãn Tiến độ

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã phân bổ			Giá trị QT/ KLHT hết 2022	Kế hoạch vốn đã giao theo QĐ 1504/QĐ-UBND	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm		
					Tiền đất	Khác						
3,7	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư Tân Thành, xã Tân Mộc	Ban QLDA ĐTXD	44.957	200	200						0	Dãn Tiến độ
3,8	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư Trại Mới, xã Giáp Sơn	Ban QLDA ĐTXD	33.536	500	500						0	
3,9	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư xã Nam Dương (giai đoạn II)											
3,1	Xây dựng trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND và công trình phụ trợ UBND thị trấn Chũ	UBND thị trấn Chũ	33.500	3.000	3.000		20.100	4.000			4.000	NS huyện đạt 10/10 tỷ
4	**Lĩnh vực hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi**		**4.300**	**2.000**	**0**	**2.000**	**3.500**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Kè chống sạt lở sông Còng (tuyến đường Đồng Còng đi Tân Thành) xã Tân Mộc	Ban QLDA ĐTXD	4.300	2.000		2.000	3.500				0	Vốn sự nghiệp 2023: 2000
5	**Lĩnh vực Văn hóa - Xã hội**		**4.000**	**2.200**	**0**	**2.200**	**2.200**	**1.000**	**0**	**0**	**1.000**	
	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng làng cổ Bắc Hoa	Ban QLDA ĐTXD	4.000	2.200		2.200	2.200	1.000			1.000	Năm 2022: vốn SN 1,2 tỷ; Cty Bảo Việt Bảo Minh hỗ trợ 1 tỷ
6	**Lĩnh vực giáo dục**		**173.771**	**44.457**	**18.319**	**26.138**	**56.613**	**13.640**	**0**	**2.000**	**11.640**	
	Khối mầm non		***76.721***	***18.063***	***8.663***	***9.400***	***20.233***	***3.790***	***0***	***0***	***3.790***	
6.1	Xây dựng nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ khu Áp, trường mầm non Tân Quang	Ban QLDA ĐTXD	4.180	2.100	1.500	600	2.100				0	Còn nợ 1,730 tỷ
6.2	Xây dựng các hạng mục công trình thuộc trường mầm non Tân Lập	Ban QLDA ĐTXD	7.090	3.710	2.500	1.210	3.700	790			790	Còn 3 tỷ
6.3	Xây dựng nhà lớp học khu trung tâm trường mầm non Kiên Lao	Ban QLDA ĐTXD	14.998	1.500	500	1.000	1.000	2.000			2.000	

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã phân bổ			Giá trị QT/ KLHT hết 2022	Kế hoạch vốn đã giao theo QĐ 1504/QĐ-UBND	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm		
					Tiền đất	Khác						
6.4	Xây dựng nhà vệ sinh chung và nhà bếp khu Nóng trường mầm non Kiên Lao	Ban QLDA ĐTXD	810	790		790	750				0	
6.5	Trường mầm non Giáp Sơn	UBND xã Giáp Sơn	35.000	4.163	4.163		4.163	1.000			1.000	
6.6	Trường MN thanh Hải số 1, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng , các phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD	14.643	5.800		5.800	8.520	0			0	Vốn sự nghiệp giáo dục
	Khối Tiểu học		***44.080***	***13.356***	***5.156***	***8.200***	***19.580***	***6.200***	***0***	***1.000***	***5.200***	
6.7	Xây dựng nhà lớp học, phòng chức năng và các công trình phụ trợ trường Tiểu học Quý Sơn số 2	Ban QLDA ĐTXD	8.500	600	600		4.500	3.000			3.000	Còn 4,8 tỷ
6.8	Xây dựng nhà lớp học khu Đầm, xã Phượng Sơn	Ban QLDA ĐTXD	5.500	2.700	2.700		5.500	700			700	Còn nợ 1,5 tỷ
6.9	Xây dựng nhà lớp học và các phòng chức năng khu Trung tâm, trường tiểu học Biển Động	UBND xã Biển Động	9.600	6.600	500	6.100	2.000	500			500	Đã cấp
6.10	Xây dựng nhà lớp học khu trung tâm, trường Tiểu học Tân Quang	Ban QLDA ĐTXD	6.980	3.356	1.356	2.000	6.980	1.000			1.000	Còn 1,524 tỷ
6.11	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 6 phòng trường TH Phì Điền	UBND xã Phì Điền	4.500	100		100	600	1.000		1.000	0	Đã có KH vốn NTM
6.12	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 12 phòng khu trung tâm trường TH Mỹ An	UBND xã Mỹ An	9.000	0							0	Dãn tiến độ
	Khối THCS		***52.970***	***13.038***	***4.500***	***8.538***	***16.800***	***3.650***	***0***	***1.000***	***2.650***	
6.13	Xây dựng nhà lớp học khu trung tâm trường THCS Tân Quang	Ban QLDA ĐTXD	7.815	3.538	1.500	2.038	4.000	1.500			1.500	
6.14	Xây dựng nhà lớp học khu trung tâm trường THCS Đồng Cốc	Ban QLDA ĐTXD	5.000	2.500	1.000	1.500	3.000	50			50	

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã phân bổ			Giá trị QT/ KLHT hết 2022	Kế hoạch vốn đã giao theo QĐ 1504/QĐ-UBND	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm		
					Tiền đất	Khác						
6.15	Xây dựng nhà lớp học khu trung tâm trường THCS Kiên Lao	Ban QLDA ĐTXD	7.755	4.000	2.000	2.000	3.500	1.100			1.100	
6.16	Đối ứng Dự án cải tạo, nâng cấp Trường PTDTBT THCS Sơn Hải: hạng mục nhà lớp học 4 tầng, nhà hiệu bộ 4 tầng, nhà công vụ giáo viên 2 tầng va các công trình phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD	26.000	0				1.000		1.000	0	Sử dụng nguồn CTMTQG trước
6.17	Xây dựng trường PTDT bán trú THCS Sơn Hải	Ban QLDA ĐTXD	6.400	3.000		3.000	6.300				0	Năm 2022. VCB tài trợ 3 tỷ, còn nợ 1,5 tỷ (ô. Dung)
7	**Lĩnh vực an ninh, quốc phòng**		**77.698**	**11.735**	**5.735**	**6.000**	**14.185**	**10.200**	**0**	**700**	**9.500**	
1	Trụ sở làm việc Công an thị trấn: Chũ	Ban QLDA ĐTXD	4.000	1.000		1.000	2.000	1.200			1.200	
2	Trụ sở làm việc Công an xã Quý Sơn	Ban QLDA ĐTXD	4.000	1.000		1.000	150	1.200			1.200	
3	Trụ sở làm việc Công an xã Phú Nhuận	Ban QLDA ĐTXD	3.000	1.000		1.000	2.000	1.200			1.200	
4	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Quang	Ban QLDA ĐTXD	3.000	1.000		1.000	2.000	1.200			1.200	
5	Trụ sở làm việc Công an xã Sơn Hải	Ban QLDA ĐTXD	3.000	1.000		1.000	2.000	1.200			1.200	
6	Trụ sở làm việc Công an xã Kiên Thành	Ban QLDA ĐTXD	4.000	1.000		1.000	150	1.200		700	500	
7	Trụ sở làm việc Công an xã Biên Sơn	Ban QLDA ĐTXD	2.817	0			150					
8	Trụ sở làm việc Công an xã Hồng Giang	Ban QLDA ĐTXD	2.578	0								
9	Xây dựng hệ thống công trình quốc phòng, công trình chiến đấu trong KV phòng thủ huyện Lục Ngạn giai đoạn 2019-2025		51.303	5.735	5.735		5.735	3.000			3.000	Ban CHQS đề nghị 23 tỷ

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã phân bổ			Giá trị QT/ KLHT hết 2022	Kế hoạch vốn đã giao theo QĐ 1504/QĐ-UBND	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm		
					Tiền đất	Khác						
III	**Công trình khởi công mới năm 2023**		**1.087.559**	**0**	**0**	**0**	**0**	**20.565**	**1.750**	**6.000**	**16.315**	
1	**Lĩnh vực quy hoạch**		**58.348**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1.150**	**400**	**0**	**1.550**	
1.1	Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	Phòng Tài nguyên &MT	2.300					1.150			1.150	
1.2	Quy hoạch chung đô thị Chũ, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045 (tỷ lệ 1/10.000)	Phòng KT&HT	11.000								0	Dự kiến nguồn sự nghiệp NS tỉnh bổ sung
1.3	Quy hoạch chung đô thị Biển Động, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/5000)	Phòng KT&HT	3.200								0	
1.4	Quy hoạch chung xây dựng đô thị Phì Điền, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/5.000)	Phòng KT&HT	3.900								0	
1.5	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000)	Phòng KT&HT	3.900								0	
1.6	Đề án đề nghị công nhận đô thị Chũ mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV trực thuộc tỉnh Bắc Giang	Phòng KT&HT	1.700								0	
1.7	Đề án đề nghị công nhận khu vực dự kiến hình thành đô thị Biển Động đạt tiêu chí đô thị loại V	Phòng KT&HT	705								0	
1.8	Lập Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị Chũ	Phòng KT&HT	1.900								0	
1.9	Lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị Biển Động (Chương trình phát triển đô thị)	Phòng KT&HT	712								0	
1.10	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị và trung tâm hành chính tại thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỷ lệ 1/500	Phòng KT&HT	1.600								0	
1.11	Lập quy hoạch phân khu, khu trung tâm đô thị Chũ tỉnh Bắc Giang.	Phòng KT&HT	3.600								0	

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã phân bổ			Giá trị QT/ KLHT hết 2022	Kế hoạch vốn đã giao theo QĐ 1504/QĐ-UBND	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm		
					Tiền đất	Khác						
1.12	Đề án sắp xếp điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn và huyện Sơn Động để chia tách, thành lập thị xã Chũ và các phường thuộc thị xã Chũ; thành lập thị trấn Phì Điền, thị trấn Biển Động thuộc huyện Lục Ngạn	Phòng Nội vụ	19.451								0	
1.13	Lập Chương trình phát triển đô thị Chũ tỉnh Bắc Giang đến năm 2045	Phòng KT&HT	2.000						200		200	Bổ sung danh mục mới
1.14	Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Chũ tỉnh Bắc Giang	Phòng KT&HT	2.380						200		200	
2	**Lĩnh vực giao thông**		**85.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3.000**	**0**	**0**	**3.000**	
2.1	Đường bê tông vào khu du lịch sinh thái Đồng Giao	Ban QLDA ĐTXD	2.000					1.000			1.000	
2.2	Cải tạo nâng cấp đường giao thông từ xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn đi xã Hữu Kiên, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Ban QLDA ĐTXD	83.000					2.000			2.000	Năm 2023, Đối ứng theo QĐ phê duyệt BCKTKT là 6 tỷ (đ/c giảm do dự kiến hụt thu)
3	**Lĩnh vực Hạ tầng KT-XH**		**844.696**	**0**	**0**	**0**	**0**	**9.450**	**150**	**500**	**9.100**	
3.1	GPMB tạo quỹ đất sạch xây dựng Trụ sở Tòa án nhân dân huyện	Trung tâm PTQĐ	9.000					8.000		0	8.000	Dãn Tiến độ
3.2	Hạ tầng kỹ thuật khu và dân cư Phì Điền; Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD	179.938					100		100	0	
3.3	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư trung tâm xã Tân Quang, huyện Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD	179.758					100		100	0	
3.4	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD	30.000					100		100	0	
3.5	Khu dân cư số 1, xã Quý Sơn	Ban QLDA ĐTXD	147.000					100			100	

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã phân bổ			Giá trị QT/ KLHT hết 2022	Kế hoạch vốn đã giao theo QĐ 1504/QĐ-UBND	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm		
					Tiền đất	Khác						
3.6	Hạ tầng kỹ thuật và Khu dân cư trung tâm xã Kiên Lao	Ban QLDA ĐTXD	147.000					100		100	0	Dãn tiến độ
3.7	Khu dân cư trung tâm xã Giáp Sơn	Ban QLDA ĐTXD	147.000					100		100	0	
3.8	Hệ thống đèn trang trí khu trung tâm huyện	Ban QLDA ĐTXD	5.000					850	150		1.000	
4	**Lĩnh vực giáo dục**		**66.615**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5.500**	**0**	**5.500**	**0**	
*	***Khối mầm non***		**36.415**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3.000**	**0**	**3.000**	**0**	
4.1	Trường MN thị trấn Chũ số 1: GPMB, xây dựng nhà lớp học, phòng chức năng và các công trình phụ trợ	UBND thị trấn Chũ	21.500					1.500		1.500	0	Dãn tiến độ
4.2	Xây dựng dãy nhà 3 tầng, 6 phòng học và các phòng chức năng trường Mầm non Phong Vân, huyện Lục Ngạn	UBND xã Phong Vân	14.915					1.500		1.500	0	Dãn tiến độ
*	***Khối Tiểu học***		**5.200**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
4,5	Trường TH Quý Sơn số 1: Nhà lớp học 8 phòng	UBND xã Quý Sơn	5.200								0	
*	***Khối THCS***		**25.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2.500**	**0**	**2.500**	**0**	
4,6	Cải tạo, nâng cấp Trường PTDTBT THCS Hộ Đáp: hạng mục: Nhà lớp học, nhà vệ sinh học sinh; Phòng chức năng 2 tầng; Bờ kè sân bán trú, lan can bờ sân, sân bê tông, vành lao bao quanh; Nhà ăn bán trú, phòng trực quản sinh	Ban QLDA ĐTXD	25.000					2.500		2.500	0	Năm 2023, Đối ứng theo QĐ phê duyệt BCKTKT là 5,7 tỷ (giảm do dự kiến nguồn thu
5	**Y tế**		**1.300**	**0**	**0**	**0**	**0**	**265**	**0**	**0**	**265**	
	Sửa chữa trạm y tế xã Cấm Sơn	UBND xã Cấm Sơn	1.300					265			265	
6	**Lĩnh vực an ninh - Quốc phòng**		**31.600**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1.200**	**1.200**	**0**	**2.400**	

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã phân bổ			Giá trị QT/ KLHT hết 2022	Kế hoạch vốn đã giao theo QĐ 1504/QĐ-UBND	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm		
					Tiền đất	Khác						
1	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Mộc	Ban QLDA ĐTXD	3.500					300			300	
2	Trụ sở làm việc Công an xã Đồng Cốc	Ban QLDA ĐTXD	3.500					300			300	
3	Trụ sở làm việc Công an xã Thanh Hải	Ban QLDA ĐTXD	3.500					300			300	
4	Trụ sở làm việc Công an xã Cấm Sơn	Ban QLDA ĐTXD	3.500					300			300	
5	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Lập	Ban QLDA ĐTXD	3.800						300		300	
6	Trụ sở làm việc Công an xã Biển Động	Ban QLDA ĐTXD	4.500						300		300	
7	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Dương	Ban QLDA ĐTXD	4.800						300		300	
8	Trụ sở làm việc Công an xã Đèo Gia	Ban QLDA ĐTXD	4.500						300		300	
IV	**Chuẩn bị đầu tư năm 2024**		**179.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2.000**	**1.300**	**550**	**2.750**	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Am Vãi, xã Nam Dương huyện Lục Ngạn		35.000					500			500	
2	Kinh phí chuẩn bị đầu tư dự án Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Am Vãi, xã Nam Dương huyện Lục Ngạn		1.600					200		200	0	
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu Du lịch Làng Cổ Bắc Hoa - Tân Sơn huyện Lục Ngạn		1.000					200			200	
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Phượng Sơn, Quý Sơn, huyện Lục Ngạn		1.600					200		200	0	
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư số 1 xã Thanh Hải huyện Lục Ngạn		1.600					200			200	
6	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới phí Bắc đường vành đai thị trấn Chũ huyện Lục Ngạn		1.200					200			200	

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã phân bổ			Giá trị QT/ KLHT hết 2022	Kế hoạch vốn đã giao theo QĐ 1504/QĐ-UBND	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm		
					Tiền đất	Khác						
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư xã Mỹ An (phân khu 2)		1.500					200			200	
8	Quy hoạch chi tiết xây dựng Nghĩa Trang Nhân dân huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang		1.200					150			150	
9	Quy hoạch chi tiết xây dựng công viên trung tâm đô thị Chũ tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 1)		1.200					150		150	0	
10	Trụ sở làm việc Công an xã Phượng Sơn		3.500						100		100	
11	Trụ sở làm việc Công an xã Hộ Đáp		4.200						100		100	
12	Trụ sở làm việc Công an xã Phong Minh		4.800						100		100	
13	Trụ sở làm việc Công an xã Sa Lý		3.800						100		100	
14	Trụ sở làm việc Công an xã Trù Hựu		4.800						100		100	
15	Trụ sở làm việc Công an xã Giáp Sơn		3.800						100		100	
16	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Sơn		3.800						100		100	
17	Trụ sở làm việc Công an xã Kim Sơn		4.800						100		100	
18	Trụ sở làm việc Công an xã Phì Điền		4.800						100		100	
19	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Hoa		4.800						100		100	

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã phân bổ			Giá trị QT/ KLHT hết 2022	Kế hoạch vốn đã giao theo QĐ 1504/QĐ-UBND	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm		
					Tiền đất	Khác						
20	Cải tạo, nâng cấp nhà máy cung cấp nước sạch đô thị Chũ và xây dựng trục chính hệ thống cấp nước sạch đến trung tâm các xã: Trù Hựu, Thanh Hải, Nam Dương và một phần xã Quý Sơn, Kiên Lao, Kiên Thành, Mỹ An		90.000						300		300	
V	**Kinh phí giải phóng mặt bằng và đấu giá quyền sử dụng đất**		**10.000**			**0**		**5.000**			**5.000**	phát sinh 01 hộ tại Khu Đô thị TT
VI	**Kinh phí sự nghiệp tài nguyên môi trường**		**3.000**			**0**		**4.000**			**4.000**	
VII	**Hỗ trợ CTMTQG Nông thôn mới**		**38.697**			**0**		**7.020**		**5.057**	**1.963**	Giảm do sử dụng nguồn năm 2022 chuyển sang 2023 để trả nợ khối lượng hoàn thành năm 2022
VIII	**Hỗ trợ UBND xã Phì Điền: Cải tạo, nâng cấp phòng 01 cửa, lát nền, sơn, sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện, khuân viên... trụ sở UBND xã Phì Điền, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.**		**1.195**					**945**			**945**	
IX	**Kinh phí hỗ trợ các xã làm đường GTNT**							**4.460**	**540**		**5.000**	**Thiếu**
X	**Trả nợ 07**		**10.401**			**0**		**8.906**		**3.700**	**5.206**	
XI	**Vốn đối ứng các CT nguồn bảo vệ phát triển đất trồng lúa năm 2022**		**7.650**	**3.095**	**0**	**3.095**	**6.250**	**2.610**	**0**	**2.610**	**0**	
1	Cứng hóa đường giao thông khu sản xuất thôn Bình Lửa		**1.900**	700		700	1.500	500		500	0	Giảm do bố trí đối ứng bằng nguồn tăng thu, tiết
2	Cứng hóa kênh tưới khu sản xuất thôn Bình Lửa		**2.700**	960		960	2.000	740		740	0	

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã phân bổ			Giá trị QT/ KLHT hết 2022	Kế hoạch vốn đã giao theo QĐ 1504/QĐ-UBND	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm		
					Tiền đất	Khác						
3	Cứng hóa kênh tưới khu sản xuất thôn Dọc Đình		**800**	280		280	800	520		520	0	kiệm chi năm 2022 chuyển nguồn sang 2023
4	Cải tạo công trình đầu mối hồ chứa Dọc Bất (hạng mục gồm đường giao thông; cải tạo nâng cấp đập Dọc Bất)		**1.800**	1.055		1.055	1.500	500		500	0	
5	Cứng hóa kênh vùng sản xuất thôn Biển Dưới		**450**	100		100	450	350		350	0	
XII	**Trả nợ quỹ ĐTPT**		**75.037**			**0**		**75.037**	**0**	**0**	**75.037**	
1	Tạo quỹ đất sạch để đấu giá ...Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn							25.306			25.306	
2	HTKT&KDC xã Kiên Thành							4.891			4.891	
3	HTKT&KDC mới trung tâm xã Hồng Giang							27.197			27.197	
4	HTKT&KDC Nam Dương, huyện Lục Ngạn							3.100			3.100	
5	HTKT&KDC Trại Mới, xã Giáp Sơn							14.543			14.543	

BIỂU TỔNG HỢP

BỔ SUNG DANH MỤC, KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

CÁC DỰ ÁN KHẮC PHỤC CÁC TIÊU CHÍ CÒN THIẾU VÀ CHƯA ĐẠT CHUẨN ĐÔ THỊ LOẠI IV

KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP THỊ XÃ CHŨ TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 28/4/2023 của HĐND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn của dự án	Trong đó:		Trong đó:							Kế hoạch vốn năm 2023	Trong đó:				Ghi chú
						Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện và các nguồn vốn huy động, hỗ trợ hợp pháp khác	Phân kỳ nguồn vốn đầu tư	Ngân sách tỉnh bố trí năm 2023	Ngân sách huyện và các nguồn vốn huy động, hỗ trợ hợp pháp khác						Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Chia ra		Ngân sách huyện và các nguồn vốn huy động, hỗ trợ hợp pháp khác	
										Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027			Tăng thu, tiết kiệm chi	Vốn theo NQ07		
	TỔNG CỘNG			**492.900**	**492.900**	**150.000**	**342.900**	**492.900**	**150.000**	**300**	**119.020**	**143.580**	**40.000**	**40.000**	**150.300**	**150.000**	**50.000**	**100.000**	**300**	
I	**Đầu tư hệ thống khung HTKT - XH của khu vực dự kiến thành lập thị xã Chũ hoàn thiện tiêu chí đô thị loại IV**			**411.500**	**411.500**	**124.700**	**286.800**	**411.500**	**124.700**	**300**	**94.600**	**111.900**	**40.000**	**40.000**	**125.000**	**124.700**	**48.500**	**76.200**	**300**	
1	Trung tâm liên hợp thể thao huyện Lục Ngạn *(giai đoạn 1)*	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	50.000	50.000	16.000	34.000	50.000	16.000		15.000	19.000	-		16.000	16.000	1.000	15.000	-	
2	Xây dựng công viên trung tâm huyện Lục Ngạn *(giai đoạn 1)*	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	45.000	45.000	11.000	34.000	45.000	11.000		13.500	20.500	-		11.000	11.000	1.000	10.000	-	
3	Lát vỉa hè, lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tuyến đường QL31 (đoạn Phượng Sơn - Thị trấn Chũ - Hồng Giang)	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	68.000	68.000	37.700	30.300	68.000	37.700		20.400	9.900	-		37.700	37.700	15.000	22.700	-	
4	Cải tạo, nâng cấp nhà máy cung cấp nước sạch đô thị Chũ và xây dựng trục chính hệ thống cấp nước sạch đến trung tâm các xã: Trù Hựu, Thanh Hải, Nam Dương và một phần xã Quý Sơn, Kiên Lao, Kiên Thành, Mỹ An			90.000	90.000		90.000	90.000		300		9.700	40.000	40.000	300				300	Giao cho Ban QLDA chuẩn bị đầu tư
5	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tuyến TL289 và TL289 kéo dài, đoạn Nam Dương - Trù Hựu	Ban QLDA ĐTXD huyện		18.000	18.000	12.000	6.000	18.000	12.000		5.400	600	-		12.000	12.000	7.000	5.000	-	
6	Chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp tuyến đường Lê Duẩn, thị trấn Chũ	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	14.500	14.500	12.000	2.500	14.500	12.000		2.500	-	-		12.000	12.000	6.500	5.500	-	
7	Chỉnh trang, cải tạo tuyến đường Dã Tượng và tuyến đường từ ngã ba Trung Nghĩa đi Tổ dân phố Nghĩa, thị trấn Chũ	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	14.700	14.700	8.000	6.700	14.700	8.000		4.410	2.290	-		8.000	8.000	4.500	3.500	-	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn của dự án	Trong đó:		Phân kỳ nguồn vốn đầu tư	Trong đó:						Kế hoạch vốn năm 2023	Trong đó:				Ghi chú
						Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện và các nguồn vốn huy động, hỗ trợ hợp pháp khác		Ngân sách tỉnh bố trí năm 2023	Ngân sách huyện và các nguồn vốn huy động, hỗ trợ hợp pháp khác						Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Chia ra		Ngân sách huyện và các nguồn vốn huy động, hỗ trợ hợp pháp khác	
										Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027			Tăng thu, tiết kiệm chi	Vốn theo NQ07		
8	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường (tuyến Phạm Ngũ Lão, tuyến Yết Kiêu và tuyến từ ngã Tư truyền Hình vào chùa Khánh Vân), thị trấn Chũ	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	14.300	14.300	8.000	6.300	14.300	8.000		4.290	2.010	-		8.000	8.000	4.500	3.500	-	
9	Xây dựng Nhà tang lễ huyện Lục Ngạn *(khu vực Trung tâm Y tế huyện)*	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	10.000	10.000	500	9.500	10.000	500		3.000	6.500	-		500	500	500	-	-	
10	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt khu vực, lưu vực thị trấn Chũ (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	55.000	55.000	500	54.500	55.000	500		16.500	38.000	-		500	500	500	-	-	
11	Cải tạo, nâng cấp cầu Suối Bồng, xã Thanh Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	11.000	11.000	6.000	5.000	11.000	6.000		3.300	1.700	-		6.000	6.000	1.000	5.000	-	
12	Lát vỉa hè, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đường đến trung tâm xã Thanh Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	14.500	14.500	8.500	6.000	14.500	8.500		4.350	1.650	-	-	8.500	8.500	4.500	4.000	-	
13	Thảm mặt đường trục chính vào trung tâm xã Thanh Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	6.500	6.500	4.500	2.000	6.500	4.500		1.950	50	-		4.500	4.500	2.500	2.000	-	
II	**Hỗ trợ đầu tư các công trình khu trung tâm xã, thị trấn khắc phục các tiêu chí còn thiếu của 5 xã, thị trấn (Phượng Sơn, Trù Hựu, Thanh Hải, Hồng Giang, thị trấn Chũ) dự kiến thành lập phường thuộc thị xã Chũ**			**45.000**	**45.000**	**13.500**	**31.500**	**45.000**	**13.500**		**13.500**	**18.000**	-	-	**13.500**	**13.500**	**1.000**	**12.500**	-	
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính khu trung tâm xã Phượng Sơn - Tuyến QL31 vào Nhà văn hóa thôn Từ Xuyên	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	4.000	4.000	1.000	3.000	4.000	1.000		1.200	1.800	-		1.000	1.000		1.000	-	
2	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính khu trung tâm xã Phượng Sơn - Tuyến QL31 vào Nhà văn hóa thôn Phượng Khê	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	6.000	6.000	1.000	5.000	6.000	1.000		1.800	3.200	-		1.000	1.000		1.000	-	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ĐT289 đi nhà văn hóa thôn Mịn To, xã Trù Hựu	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	10.000	10.000	4.500	5.500	10.000	4.500		3.000	2.500	-		4.500	4.500		4.500	-	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư dự kiến	Cơ cấu nguồn vốn của dự án	Trong đó:		Phân kỳ nguồn vốn đầu tư	Trong đó:						Kế hoạch vốn năm 2023	Trong đó:				Ghi chú
						Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện và các nguồn vốn huy động, hỗ trợ hợp pháp khác		Ngân sách tỉnh bố trí năm 2023	Ngân sách huyện và các nguồn vốn huy động, hỗ trợ hợp pháp khác						Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Chia ra		Ngân sách huyện và các nguồn vốn huy động, hỗ trợ hợp pháp khác	
										Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027			Tăng thu, tiết kiệm chi	Vốn theo NQ07		
4	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ QL31 vào thôn Kép I, xã Hồng Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	10.000	10.000	2.000	8.000	10.000	2.000		3.000	5.000	-		2.000	2.000		2.000	-	
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ thôn Tân Trường xã Thanh Hải đi thôn Sậy xã Trù Hựu	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	7.000	7.000	2.000	5.000	7.000	2.000		2.100	2.900	-		2.000	2.000		2.000	-	
6	Cải tạo mở rộng tuyến đường từ đường trục chính vào UBND xã Thanh Hải (Đoạn từ nhà ông Sạc đến nhà ông Hải)	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	3.500	3.500	500	3.000	3.500	500		1.050	1.950	-	-	500	500		500	-	
7	Cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang điện chiếu sáng một số tuyến đường trung tâm thị trấn Chũ	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	4.500	4.500	2.500	2.000	4.500	2.500		1.350	650	-		2.500	2.500	1.000	1.500	-	
III	**Hỗ trợ đầu tư xây dựng đường giao thống, rãnh thoát nước cho 5 xã (Kiên Thành, Mỹ An, Nam Dương, Kiên Lao, Quý Sơn)**			**36.400**	**36.400**	**11.800**	**24.600**	**36.400**	**11.800**		**10.920**	**13.680**	-		**11.800**	**11.800**	**500**	**11.300**	-	
1	Mở rộng, cứng hóa đường trục thôn Lam Sơn, Trại Giáp và Cẩm Hoàng, xã Kiên Thành	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	5.500	5.500	1.000	4.500	5.500	1.000		1.650	2.850	-		1.000	1.000		1.000	-	
2	Cải tạo, mở rộng mặt đường giao thông đoạn thôn Ngọc Nương đi Cầu phao An Phú, xã Mỹ An	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	5.900	5.900	3.500	2.400	5.900	3.500		1.770	630	-		3.500	3.500	500	3.000	-	
3	Cải tạo, mở rộng mặt đường trục thôn khu trung tâm, xã Nam Dương	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	5.500	5.500	1.000	4.500	5.500	1.000		1.650	2.850	-		1.000	1.000		1.000	-	
4	Xây dựng rãnh thoát nước khu trung tâm xã Kiên Lao	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	5.000	5.000	300	4.700	5.000	300	-	1.500	3.200			300	300		300	-	
5	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Quý Sơn (đường ĐH86)	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	14.500	14.500	6.000	8.500	14.500	6.000		4.350	4.150			6.000	6.000		6.000	-	

DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 DÃN, HOÃN TIẾN ĐỘ ĐẾN NĂM 2024

Kèm theo Nghị quyết số 11 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2023 của HĐND huyện Lục Ngạn

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã phân bổ			Giá trị QT/ KLHT hết 2022	Giá trị giải ngân	Kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú
				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó		
					Tiền đất	Khác				Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn sự nghiệp	
	Tổng cộng		**823.886**	**500**	**500**	**0**	**100**	**500**	**8.000**	**7.500**	**500**	
I	**Công trình chuyển tiếp**		**94.775**	**500**	**500**	**0**	**100**	**500**	**4.000**	**4.000**	**0**	
1	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư xã Phú Nhuận	Ban QLDA ĐTXD	41.318	200	200			200	0			
2	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư Tân Thành, xã Tân Mộc	Ban QLDA ĐTXD	44.957	200	200			200	0			
3	Cải tạo, nâng cấp Hạ tầng kỹ thuật đô thị Chũ; hạng mục: Lát vỉa hè, hệ thống đèn chiếu sáng đường phố, cây xanh (Đường Dã Tượng và Lê Duẩn)	Ban QLDA ĐTXD	8.500	100	100		100	100	4.000	4.000		Chuyển sang 233
II	**Công trình khởi công mới năm 2023**		**729.111**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4.000**	**3.500**	**500**	
1	**Lĩnh vực Hạ tầng KT-XH**		**683.696**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**500**	**500**	**0**	
1.1	Hạ tầng kỹ thuật khu và dân cư Phì Điền, Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD	179.938						100	100		
1.2	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư trung tâm xã Tân Quang, huyện Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD	179.758						100	100		
1.3	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD	30.000						100	100		

1.4	Hạ tầng kỹ thuật và Khu dân cư trung tâm xã Kiên Lao	Ban QLDA ĐTXD	147.000						100	100		
1.5	Khu dân cư trung tâm xã Giáp Sơn	Ban QLDA ĐTXD	147.000						100	100		
2	**Lĩnh vực giáo dục**		**45.415**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3.500**	**3.000**	**500**	
*	***Khối mầm non***		**36.415**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3.000**	**3.000**	**0**	
2.1	Trường MN thị trấn Chũ số 1: GPMB, xây dựng nhà lớp học, phòng chức năng và các công trình phụ trợ	UBND thị trấn Chũ	21.500						1.500	1.500		
2.2	Xây dựng dãy nhà 3 tầng, 6 phòng học và các phòng chức năng trường Mầm non Phong Vân, huyện Lục Ngạn	UBND xã Phong Vân	14.915						1.500	1.500		
*	***Khối Tiểu học***		**9.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**500**	**0**	**500**	
2.3	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng, 12 phòng khu trung tâm trường Tiểu học	UBND xã Mỹ An	9.000						500		500	